

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề thi 204

Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thái Nguyên. B. Hạ Long. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 42: Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo chiều:

- A. Bắc – Nam, Đông – Tây và Đông Bắc - Tây Nam.
B. Đông – Tây và Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.
C. Bắc – Nam, Đông – Tây và theo độ cao.
D. Bắc – Nam, Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Quảng Bình.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Con Voi. B. Pu Sam Sao. C. Pu Đen Đinh. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Tây Bắc Bộ. D. Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 46: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là:

- A. Sông Hồng và sông Cả. B. Sông Hồng và sông Mã.
C. Sông Cả và sông Mã. D. Sông Đà và sông Lô.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác apatit có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Sơn La. B. Lào Cai. C. Phú Thọ. D. Lai Châu.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng bò lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Kon Tum. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 20, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

- A. Bình Phước. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 50: Đông Nam Á biển đảo có dạng địa hình chủ yếu nào?

- A. Đồng bằng châu thổ rộng lớn. B. Núi và cao nguyên.
C. Đồi núi và núi lửa. D. Các thung lũng nông, rộng.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Ninh Thuận. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 6 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Phủ Lý. B. Việt Trì. C. Mộc Châu. D. Thái Nguyên.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Sóc Trăng. B. Mỹ Tho. C. Vũng Tàu. D. Thủ Dầu Một.

Câu 54: Nhóm đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ?

- A. Đất mùn trên núi B. Đất Feralit. C. Đất phù sa. D. Feralit có mùn.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

- A. Lâm Đồng. B. Quảng Trị. C. Gia Lai. D. Hà Giang.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Cả. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Thái Bình. D. Sông Ba.

Câu 57: Trên biên Việt Nam tiếp giáp với:

- A. 6 Quốc gia. B. 9 Quốc gia. C. 8 Quốc gia. D. 7 Quốc gia.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La. B. Thái Nguyên. C. Thanh Hóa. D. Hạ Long.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. An Giang. B. Hà Tiên. C. Đồng Tháp. D. Hoa Lư.

Câu 60: Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là:

- A. Phát triển lâm nghiệp. B. Phát triển thủy điện.
C. Phát triển chăn nuôi. D. Phát triển kinh tế biển.

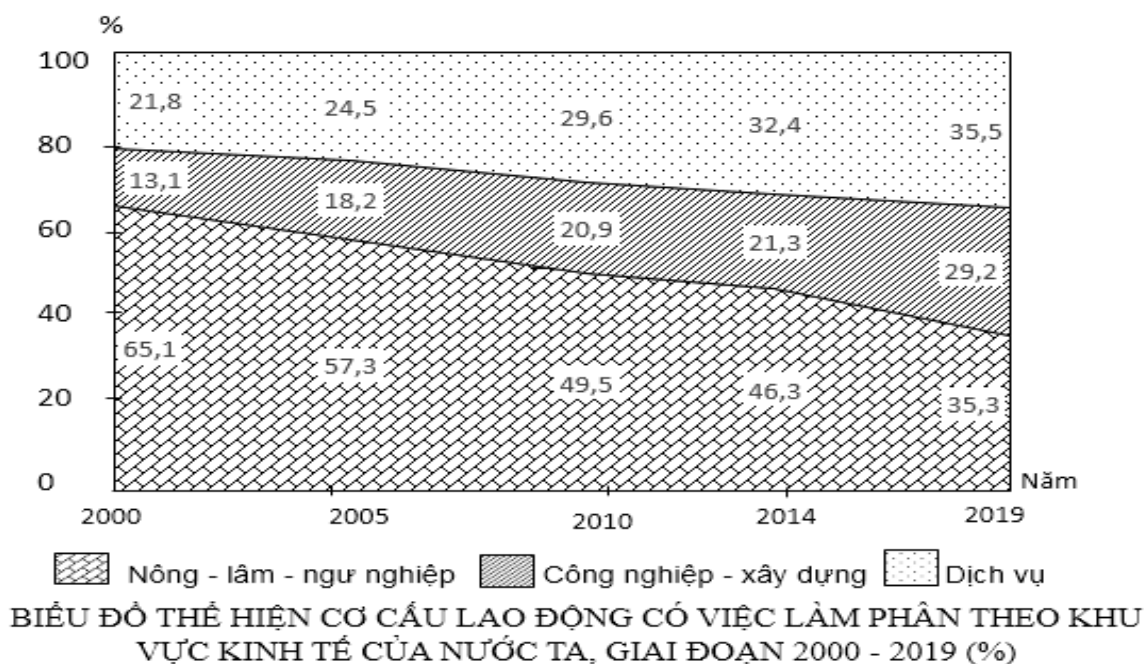
Câu 61: Địa hình bán bình nguyên ở nước ta thể hiện rõ nhất ở vùng:

- A. Đông Nam Bộ. B. Miền núi Bắc Bộ. C. Cực Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 62: Vào nửa cuối mùa đông khối khí lạnh di chuyển qua biển nước nào?

- A. Hoa Kỳ, Trung Quốc B. Trung Quốc, Hàn Quốc
C. Nhật Bản, Trung Quốc D. Trung Quốc, Việt Nam

Câu 63: Cho biểu đồ



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế của nước ta, giai đoạn 2000 – 2019?

- A. Tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng nhưng không liên tục qua các năm.
B. Tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng tăng liên tục qua các năm.
C. Khu vực dịch vụ luôn luôn có tỷ trọng cao thứ 2 sau nông – lâm – ngư.
D. Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao nhất.

Câu 64: Loại gió thổi thường xuyên liên tục trên lãnh thổ nước ta là

- A. Gió mùa mùa Tây nam. B. Gió mùa Đông Bắc. C. Gió tín phong. D. Gió phơn.

Câu 65: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở Biển Đông nước ta là:

- A. Muối biển. B. Dầu khí. C. Cát trắng. D. Titan.

Câu 66: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về lí do các nước ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định trong mục tiêu của mình?

- A. Vì mỗi nước trong khu vực ở mức độ khác nhau và đều chịu ảnh hưởng.
B. Vì khu vực đông dân, có nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.
C. Vì giữa các nước còn có sự tranh chấp phức tạp về biên giới, vùng biển đảo.
D. Vì giữ ổn định khu vực sẽ không tạo lí do để các cường quốc can thiệp.

Câu 67: Vùng có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng:

- A. lãnh hải. B. đặc quyền kinh tế. C. tiếp giáp lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 68: Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú và đa dạng là do vị trí địa lí:

- A. nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật.
B. nằm tiếp giáp với một vùng biển Đông rộng lớn.
C. nằm trong vùng nội chí tuyến và khu vực gió mùa.
D. nằm liền kề vành đai sinh khoáng lớn trên thế giới.

Câu 69: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là :

- A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Thái Lan. C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 70: Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là:

- A. Ôn đới. B. Cận nhiệt. C. Xích đạo. D. Nhiệt đới.

Câu 71: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2018

Mùa vụ	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Lúa đông xuân	3.102	20.603
Lúa hè thu	2.785	15.111
Lúa mùa	1.683	8.264

(Nguồn: niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh năng suất lúa các mùa vụ năm 2018?

- A. Lúa hè thu thấp hơn lúa mùa. B. Lúa đông xuân cao hơn lúa mùa.
C. Lúa đông xuân thấp hơn lúa mùa. D. Lúa hè thu cao hơn lúa đông xuân.

Câu 72: Nguyên nhân chính làm cho các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế của tài nguyên biển để phát triển ngành khai thác hải sản là

- A. Phương tiện khai thác lạc hậu, chậm đổi mới công nghệ.
B. Thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai đặc biệt là bão.
C. Chưa chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển.
D. Môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Câu 73: Dạng địa hình phổ biến vùng trong đê ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. Các bãi bồi được bồi đắp phù sa. B. Các bậc ruộng cao bạc màu.
C. Các vũng vịnh đầm phá. D. Các ô trũng ngập nước.

Câu 74: Đặc điểm nào sau đây thể hiện sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa ?

- A. Phần lớn sông đều ngắn, dốc, dễ bị lũ lụt.
B. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông.
C. Sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
D. Phần lớn sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

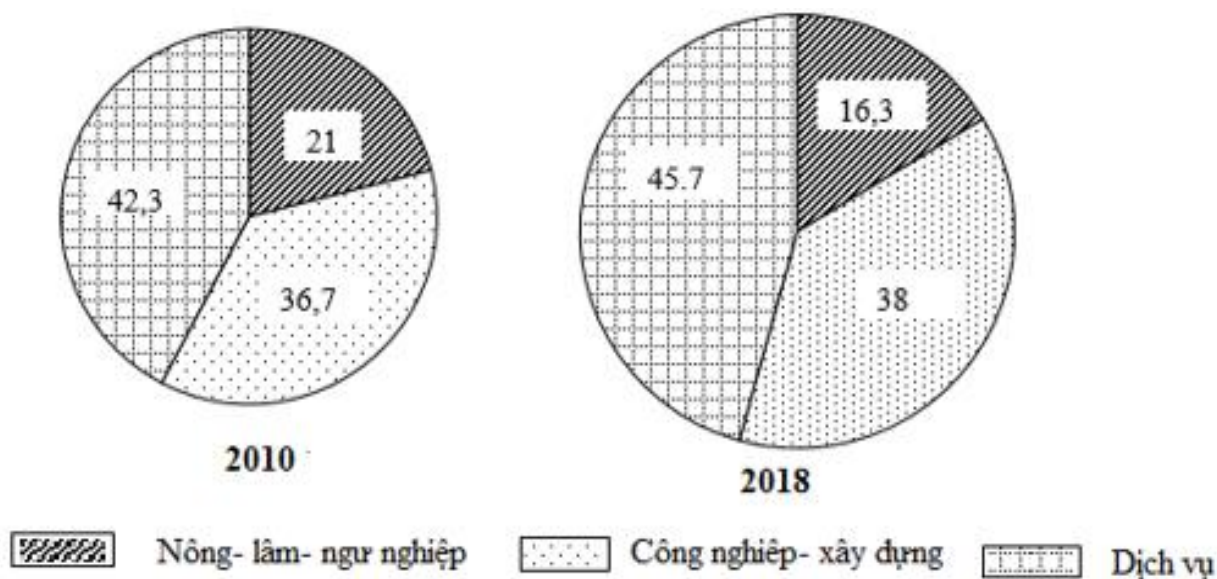
Câu 75: Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Bắc Bộ nước ta?

- A. Gió Tây, tín phong bán cầu Bắc, bão. B. Gió Đông Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
C. Gió mùa Đông Bắc, bão, áp thấp nhiệt đới. D. Gió đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.

Câu 76: Đai cao ôn đới gió mùa trên núi chỉ xuất hiện ở vùng núi Tây Bắc nước ta chủ yếu do

- A. tác động của gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.
B. tác động của gió mùa Đông Bắc, độ cao địa hình.
C. tác động của gió Tín phong, vị trí xa xích đạo.
D. tác động của gió Đông bắc, vị trí gần chí tuyến.

Câu 77: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì?

- A. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông – lâm - ngư nghiệp.
- B. Tốc độ tăng giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.
- C. Giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.
- D. Cơ cấu giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.

Câu 78: Năng suất lao động ở nước ta hiện nay thuộc nhóm thấp nhất thế giới do

- A. trình độ khoa học kỹ thuật và chất lượng lao động thấp.
- B. trình độ công nghiệp hóa - đô thị hóa còn thấp.
- C. phân công lao động xã hội theo ngành còn chậm chuyển biến.
- D. phân bố lao động trong phạm vi cả nước còn bất hợp lý.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

Năm	2010	2012	2014	2015
Diện tích (Nghìn ha)	7 489,4	7 761,2	7 816,2	7 830,6
Sản lượng (Nghìn tấn)	40 005,6	43 737,8	44 974,6	45 105,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2010 – 2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Cột.
- C. Đường.
- D. Tròn.

Câu 80: Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do:

- A. Có nhiều vùng trũng rộng lớn, như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.
- B. Sông ngòi nhiều tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu trong đất liền.
- C. Có 3 mặt giáp biển, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.
- D. Địa hình thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển nên thủy triều dễ lấn sâu vào đất liền.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.